

NGÂN HÀNG QUAN TÂM ĐẾN TỶ SỐ TÀI CHÍNH NÀO NHẤT?

NGUYỄN HỒNG THẮNG



26 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Có thể nói, toàn bộ hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp đều được thể hiện thông qua tình hình tài chính của doanh nghiệp. Để phân tích và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, qua đó, phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh, người ta xây dựng bốn nhóm tỷ số tài chính:

- Tỷ số thanh toán
- Tỷ số nợ
- Tỷ số hoạt động
- Tỷ suất lợi nhuận

Ngoài ra để phản ánh vị thế tài chính của công ty trên thị trường chứng khoán, người ta còn xây dựng thêm nhóm tỷ số về giá cổ phiếu (tỷ số P/E, tỷ số thị giá/thu giá...)

Các nhóm tỷ số tài chính được những chủ thể sau đây quan tâm:

- Cơ quan nhà nước có liên quan (tài chính, thuế, cơ quan chủ quản, ủy ban chứng khoán...)
- Chủ nợ (người bán chịu cho doanh nghiệp, các định chế tài chính cho vay...)
- Chủ đầu tư (cổ đông, định chế tài chính, cơ quan chủ quản...)
- Các nhà quản trị doanh nghiệp.

Nhìn chung, tất cả chủ thể nói trên quan tâm đến hầu hết các tỷ số tài chính. Tuy nhiên mỗi chủ thể, do vai trò của mình, đặc biệt chú ý đến một vài tỷ số riêng. Chẳng hạn các cơ quan nhà nước có liên quan chú trọng nhiều vào tỷ số thanh toán, các cổ đông rất thích tỷ suất lợi nhuận ngày càng gia tăng còn ngân hàng? Với tư cách chủ nợ (cũng có thể là chủ đầu tư), ngân hàng đặc biệt quan tâm đến tỷ số thanh toán, tỉ số nợ/tài sản và hệ số khả năng thanh toán lãi vay.

2. Tại sao ngân hàng quan tâm đến các tỷ số này?

2.1. Công thức tính:

• Tỷ số thanh toán hiện thời = Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn (Current ratio = Current assets/Current liabilities = CR)

• Tỷ số thanh toán nhanh = (Tiền mặt + phải thu)/Nợ ngắn hạn (Quick ratio = (Cash + A/c receivable)/ Current liabilities = QR)

• Tỷ số Nợ/tài sản = Tổng số nợ/tổng tài sản (Debt/Total assets Ratio = Total Debt/Total assets vì vậy, còn được gọi là tỷ số D/A)

• Hệ số khả năng thanh toán lãi vay = Thu nhập trước thuế và lãi vay/ Lãi vay

(Time interest - Earned = TIE = Earnings before Interest & Taxes/Interest = EBIT/I)

Ví dụ 1: Công ty A thuộc ngành công nghiệp giấy có bảng tổng kết tài sản đơn giản sau:

Đơn vị tính triệu đồng

TÀI SẢN	\$	NỢ + VỐN CHỦ DOANH NGHIỆP	\$
1. Tiền mặt	196	1. Các khoản phải trả	350
2. Phải thu	228	2. Vay ngắn hạn ngân hàng	180
3. Tôn kho	276	Nợ ngắn hạn	530
Tài sản lưu động	700	3. Nợ dài hạn	270
4. Tài sản cố định	1300	4. Trái phiếu	400
		5. Tổng vốn tự có	800
Tổng tài sản	2000	Tổng (nợ + vốn chủ doanh nghiệp)	2000

* Tỷ số Nợ/tài sản =

$\frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{\text{Phải trả} + \text{Nợ ngắn hạn} + \text{Nợ dài hạn} + \text{trái phiếu}}{\text{Tổng tài sản}}$

$\frac{350 + 180 + 270 + 400}{2000} = \frac{1200}{2000} = 0,6 = 60\%$

Con số 60% muốn nói gì? Trong tổng các nguồn vốn được huy động vào doanh nghiệp, có 60% nguồn vốn do vay mượn (dưới mọi hình thức, trả lãi hoặc không trả lãi). Nói cách khác, chỉ 40% giá trị tài sản của doanh nghiệp được hình thành từ nguồn vốn tự có.

* Tỷ số CR = Tài sản lưu động / Nợ ngắn hạn = $700/530 = 1,32$

Ý nghĩa: nếu tất cả các khoản nợ ngắn hạn cùng đáo hạn vào ngày lên bảng tổng kết, thì cứ 1đ nợ ngắn hạn có 1,32đ tài sản lưu động đảm bảo thanh toán.

* Tỷ số QR = (Tiền mặt + Phải thu) / Nợ ngắn hạn = $(196 + 228)/530 = 0,8$

Ý nghĩa: nếu dùng toàn bộ tiền mặt và đòi các khoản phải thu, thì công ty có khả năng chi trả 80% nợ ngắn hạn.

Ví dụ 2: Công ty A có thu nhập trước thuế và lãi vay (EBIT) ở năm qua là 300 triệu đồng và lãi vay trả trong năm đó là 50 triệu đồng. Vậy:

* Hệ số khả năng thanh toán lãi vay (TIE) = $EBIT/I = 300/50 = 6$ (lần)

Ý nghĩa: Doanh nghiệp có 6 đồng EBIT (thu nhập trước thuế và lãi vay) sẵn sàng chi trả 1 đồng lãi vay.

2.2. Phân tích:

Khi cho vay chủ nợ hy vọng 2 điều:

- Món nợ được hoàn trả đầy đủ và đúng hạn.

- Lợi tức nhận được (giá của quyền sử dụng vốn) phải tương xứng.

Các hy vọng này được lượng hóa qua những tỷ số tài chính tiêu biểu: tỷ số CR, tỷ số QR, tỷ số nợ, hệ số khả năng thanh toán lãi vay.

* Tỷ số CR & QR

Tiền mặt là loại tài sản mang tính thanh khoản cao rồi đến các khoản phải thu, hàng tồn kho và cuối cùng là tài sản cố định. Về mặt nguyên tắc, toàn bộ tài sản của xi nghiệp được dùng bảo đảm các khoản nợ. Nói chung ngày đáo hạn các khoản nợ chênh lệch nhau. Nhưng nếu không may, chúng trùng nhau thì khả năng trả nợ của doanh nghiệp như thế nào? Để trả lời người ta đem giá trị kế toán của tài sản lưu động sẽ chuyển ra tiền mặt dưới một năm, so sánh với giá trị các khoản nợ đáo hạn trong năm (*). Nếu trị số tính được càng lớn càng tốt.

Cần chú ý, tỷ số CR còn bao hàm cả thứ giá hàng tồn kho trong tài sản lưu động mà hàng tồn kho sẽ giảm giá nhiều khi bán lại trên thị trường, tức là thị giá của nó thường thấp kèm thứ giá, đặc biệt khi thanh lý để trả nợ. Điều này khiến các chủ nợ không an toàn lắm vào tỷ số CR. Do đó người ta loại hàng tồn kho ra khỏi tài sản lưu

động để xây dựng thêm tỷ số QR: chỉ dùng (tiền mặt + các khoản phải thu) so sánh với nợ ngắn hạn.

Nếu tỷ số CR & QR của ngành giấy lần lượt là 2 và 1,2 thì rõ ràng khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty A đáng lo ngại.

* Tỷ số Nợ/tài sản (D/A ratio)

Các ngân hàng, một trong các chủ nợ lớn của doanh nghiệp, thường thích một tỷ số nợ vừa phải. Tỷ số nợ càng thấp, món nợ càng được đảm bảo khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản. Hơn nữa, tỷ số nợ quá cao, gây ra nguy cơ khuyến khích sự vô trách nhiệm nơi chủ doanh nghiệp. Họ rất có thể đưa ra quyết định kinh doanh đầy mạo hiểm, nếu không muốn nói là liều lĩnh, bởi nếu thất bại chủ doanh nghiệp bị mất mất ít do phần đầu tư quá nhỏ trong tổng tài sản. Ở ví dụ 1, công ty A có tỷ số Nợ/tài sản là 60%, trong khi đó, tỷ số nợ trung bình giả thiết của ngành công nghiệp

giấy là 40%. Điều này cho biết, công ty A đã có một tỷ số nợ quá giới hạn và khả năng nguồn tài trợ từ nợ vay không còn nữa. Nếu vẫn còn ngân hàng nào cho công ty vay thì đó là một quyền định tín dụng đầy rủi ro.

Cho nên, khi xem xét cấp vốn tín dụng (ngắn hay dài hạn) cho doanh nghiệp, các ngân hàng phải chú ý đầu tiên đến tỷ số Nợ/tài sản, thông thường ngân hàng căn cứ vào số liệu trung bình của ngành mà doanh nghiệp xin vay là một thành viên rồi thỏa thuận với doanh nghiệp định ra một tỷ số nợ thích hợp và yêu cầu doanh nghiệp phải duy trì tỷ số nợ này trong suốt thời gian cho vay nếu muốn thay đổi theo hướng gia tăng thì phải hỏi ý kiến của ngân hàng bằng không ngân hàng sẽ đưa ra biện pháp chế tài.

* Hệ số khả năng thanh toán lãi vay (TIE)

Ngoài mục tiêu bảo toàn vốn vay. Các ngân hàng còn hy vọng vào lợi tức sẽ nhận được khi doanh nghiệp chi trả. Cho nên, bên cạnh tỷ số Nợ/tài sản, các ngân hàng còn chú trọng vào TIE, nếu TIE quá nhỏ chúng tỏ:

- Mức lời ròng của công ty thấp (vì lời ròng được tính từ EBIT)

- Khả năng chi trả lãi vay yếu kém.

Các chủ nợ có thể không quan tâm nhiều đến lời ròng (vì nó thuộc về doanh nghiệp) nhưng họ hoàn toàn không hài lòng khi khả năng chi trả lợi tức cho họ quá yếu. Điều này có thể gây ra một số rắc rối tài chính do chủ nợ không yên tâm cho phần lợi tức sẽ nhận được.

Cũng giống như D/A ratio, ngân hàng thường căn cứ vào số liệu trung bình ngành rồi thỏa thuận với doanh nghiệp định ra một mức TIE thích hợp và yêu cầu doanh nghiệp duy trì con số này trong thời gian vay (phải xem đây là một điều khoản trong hợp đồng tín dụng).

Ở ví dụ 2: Công ty A có TIE = 6 (lần), trong khi hệ số khả năng thanh toán lãi vay trung bình giả thiết của ngành là 8 (lần). Rõ ràng hiệu quả hoạt động, mức sinh lời của công ty A chưa cao, khiến khả năng chi trả lãi vay kém so với mức độ trung bình của ngành công nghiệp giấy.

Tổng hợp cả bốn tỷ số trên cho thấy, hai niềm hy vọng của chủ nợ vào công ty A thật là mong manh. Và nếu công ty không sửa đổi hoạt động kinh doanh theo hướng tích cực thì chắc chắn nó sẽ bị xếp vào danh mục các khách hàng xấu đối với ngân hàng ■

(*) Kể cả các khoản nợ dài hạn hình thành cách đây nhiều năm nhưng đáo hạn trong năm nay cũng được xem là nợ ngắn hạn.